

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**
Bản án số: 105/2017/HSST
Ngày: 19/9/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hùng Minh Sang**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông **Đỗ Văn Bê**.
 - + Bà **Lê Thị Ánh Sáng**.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Doãn Thị Hằng**, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*
Ông **Trần Tiến Dũng**, Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 103/2017/HSST ngày 23 tháng 8 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2017/HSST-QĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/. Nguyễn Huy T, sinh năm: 1997. Tại Nghệ An.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở: ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 12/12.

Con ông Nguyễn Huy Đ và bà Nguyễn Thị L.

Gia đình có 02 anh em. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình, chưa có vợ con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 09/12/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng, bị cáo chấp hành xong ngày 30/10/2016.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 31/7/2017 chuyển tạm giam đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

2/. Phùng Trung L, sinh năm: 1995. Tại Phú Yên.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở: ấp L, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông Phùng Văn P và bà R.

Gia đình có 03 anh chị em. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình, chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 31/7/2017 chuyển tạm giam đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành.

(Các bị cáo có mặt).

+ **Người bị hại:**

- Anh Nguyễn Thành T, sinh năm: 1990.

- Chị Lê Thị Bích N, sinh năm: 1990.

Cùng cư trú: xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(anh T có mặt, chị N vắng mặt)

+ **Người làm chứng:**

NLC1

NLC2

NLC3

(NLC1,NLC2,NLC3 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Huy T và bị hại anh Nguyễn Thành T1 là bạn bè quen biết nhau, do đã có nẩy sinh trộm cắp tài sản của anh T1, T biết việc anh T1 thường gắn chìa khóa phòng trọ của anh T1 chung với chùm chìa khóa xe mô tô anh đang sử dụng. Ngày 29/7/2017, T nhờ Phùng Trung L dùng xe đạp chở T đến phòng trọ của anh T1 ở ấp 7, xã A, huyện L, khi đến nơi T vào mượn xe mô tô của anh T1, sau khi mượn được xe T đi đến tiệm sửa khóa làm thêm 01 chìa khóa phòng trọ của anh T1, mục đích khi nào vợ chồng anh T1 không có ở phòng trọ T sẽ vào trộm cắp tài sản. Sau khi làm xong được chìa khóa, T trả xe cho anh T1, T kể lại việc làm thêm chìa khóa cho L nghe và rủ L cùng đột nhập vào phòng trọ anh T1 để trộm cắp tài sản, L đồng ý. Lúc 08 giờ 30 phút ngày 31/7/2017, L dùng xe đạp chở T đến phòng trọ của anh T1, lúc này vợ chồng anh T1 đã đi làm, T dùng chìa khóa chuẩn bị sẵn trước đó mở cửa phòng trọ anh T1. Sau khi mở được cửa phòng T và L vào lục tìm tài sản, T trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37 của anh T1 và 01 điện thoại di động hiệu Vivo V5 của chị Lê Thị Bích N (vợ anh T1), sau khi lấy được tài sản T khóa cửa phòng lại như cũ, L dùng xe đạp chở T đến tiệm điện thoại di động “Xuân Yên” ở ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai do anh Nguyễn Xuân Yên làm chủ để mở khóa điện thoại. Trong quá trình T và L trộm cắp tài sản tại phòng trọ anh T1 thì cháu Nguyễn Hà Vy phát hiện báo lại cho chị Hà Thị Hương, chị Hương báo lại cho chủ nhà trọ anh Phạm Đức Thanh. Sau đó anh Thanh cùng với anh Hà Hữu Vân đã đi tìm và phát hiện T và L tại cửa hàng điện thoại “Xuân Yên”, bắt giữ T và L giao cho Công an xã An Phước, huyện Long Thành.

Vật chứng vụ án:

01 điện thoại di động hiệu Oppo A37, đã qua sử dụng.

01 điện thoại di động hiệu Vivo V5, đã qua sử dụng.

01 xe đạp, đã qua sử dụng.

01 chìa khóa bị cáo T dùng làm phương tiện phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 61/KL.DGTSTT ngày 03/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Long Thành kết luận:

01 điện thoại di động hiệu Oppo A37, đã qua sử dụng trị giá 2.050.000đồng (hai triệu không trăm năm chục ngàn).

01 điện thoại di động hiệu Vivo V5, đã qua sử dụng trị giá 2.950.000đồng (hai triệu chín trăm năm chục ngàn).

Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.000.000đồng (năm triệu đồng).

Bản cáo trạng số: 100/VKS.HS ngày 21/8/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố các bị cáo Nguyễn Huy T và Phùng Trung L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Trách nhiệm dân sự tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi hoàn trả cho các người bị hại, các người bị hại không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành nhận định vẫn bảo L quan điểm truy tố đối với bị cáo tại Bản cáo trạng số: 100/VKS.HS ngày 21/8/2017. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Huy T mức án từ 12 đến 14 tháng tù. Phùng Trung L mức án từ 08 đến 10 tháng tù.

Lời nói sau cùng: Bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo L trình bày bị cáo biết lỗi của bị cáo, xin lỗi bị hại và những người xung quanh, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người làm chứng, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo T và bị cáo L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo, lời khai các người bị hại, người làm chứng có tại hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định bị cáo T và bị cáo L đã có hành vi lén lút đột nhập vào phòng trọ của anh T1 và chị N, chiếm đoạt 02 cái điện thoại di động hiệu Oppo A37 của anh T1 và 01 điện thoại di động hiệu Vivo V5 của chị Lê Thị Bích N. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 5.000.000đồng (năm triệu đồng). Hành vi trên của bị cáo T và bị cáo L đã cấu thành tội đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” như bản Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

Vai trò của bị cáo T, bị cáo là chính phạm trong vụ án, là người đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản từ trước, bị cáo đã thực hiện thủ đoạn gian dối mượn xe của anh T1 mục đích làm thêm chìa khóa phòng trọ của anh T1 và là người đề xuất, rủ rê bị cáo L cùng bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh T1. Cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo L là đồng phạm trong vụ án, sau khi được bị cáo T rủ rê bị cáo đồng tình ngay, tham gia tích cực, dùng xe đạp để chở bị cáo T và cùng với bị cáo T vào phòng trọ của anh T1 để trộm cắp tài sản, sau khi trộm cắp được tài sản bị cáo chở bị cáo T đi tìm

nơi tiêu thụ. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với vai trò phạm tội của bị cáo.

Trong vụ án các bị cáo phạm tội không có tổ chức, đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Hành vi phạm tội của các bị cáo là gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được Pháp luật bảo vệ, mặt khác còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng trong quần chúng nhân dân nơi bị cáo gây án. Bị cáo đã thực hiện tội phạm bất chấp sự trừng trị của Pháp luật, vụ án bị phát hiện là ngoài ý thức mong muốn của các bị cáo. Vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng hành vi hậu quả mà các bị cáo đã gây ra. Đối với bị cáo T bị cáo đã có một tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng theo Quyết định số 57/QĐ-TA ngày 09/12/2015.

Tuy nhiên, cần xem xét cho các bị cáo T và bị cáo L tại Cơ quan điều tra và trước phiên tòa công khai đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo L có nhân thân tốt thể hiện chưa tiền án, tiền sự. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Do đó cần cho cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Trách nhiệm dân sự:

Tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi hoàn trả lại cho các người bị hại anh T1 và chị N, anh T1 và chị N không có yêu cầu gì thêm đối với các bị cáo, nên không xem xét.

Xử lý vật chứng:

- 01 xe đạp bị cáo L dùng làm phương tiện phạm tội, bị cáo L cho rằng xe trên bị cáo mượn của người bạn tên Q, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ của Q, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành tiếp tạm giữ xác minh làm rõ xử lý sau.

- 01 chìa khóa bị cáo T tự làm thêm để dùng làm phương tiện phạm tội, bị cáo đã bỏ thất lạc không tìm được, nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Huy T và Phùng Trung L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Huy T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 31/7/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 ; Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phùng Trung L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 31/7/2017.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo T và bị cáo L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm ngàn) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại anh T1 được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Người bị hại chị N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận

VKSND.H Long Thành (1).

Công an H Long Thành (2).

THA (1).

Bị cáo (2).

Người bị hại (2)

L hồ sơ (1).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hùng Minh Sang